

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 585/QĐ-ĐHTG ngày 27 tháng 8 năm 2012
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)

Tên chương trình: ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Mã số : 52510103

Hình thức đào tạo : Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức tư cách, có sức khỏe, khả năng làm việc tập thể, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước.

Cử nhân Đại học ngành Kỹ thuật công nghệ Xây dựng chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp được trang bị kiến thức cơ bản, các kiến thức chuyên môn cần thiết; có khả năng thiết kế, thi công, tổ chức quản lý thi công các loại công trình xây dựng nhằm phục vụ cho các nhu cầu đa dạng của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, theo kịp sự tiến bộ khoa học kỹ thuật; có khả năng tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công trên các công trường xây dựng nhà, xưởng và các công trình công cộng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình này, người tốt nghiệp đạt được:

1.2.1. Kiến thức

- Khả năng áp dụng các kiến thức toán học, khoa học và kỹ thuật cơ sở;
- Khả năng thiết kế và tiến hành các thí nghiệm, cũng như khả năng hiểu và phân tích số liệu trong các chuyên ngành xây dựng như vật liệu, địa chất, trắc địa, cơ học đất;
- Khả năng thiết kế và thi công kết cấu công trình đáp ứng nhu cầu thực tế, với đầy đủ nhận thức về các tác động về kinh tế, môi trường, xã hội, và chính trị, về đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe và sự an toàn của cộng đồng, về tính khả thi và bền vững;
- Hiểu rõ và nắm được cách thức lập dự toán cho hạng mục công trình cũng như toàn bộ công trình.
- Có khả năng tiếp cận với công nghiệp xây dựng mới, có khả năng vươn lên trình độ học vấn cao hơn.

1.2.2. Kỹ năng, cơ hội nghề nghiệp

- *Kỹ năng cứng:*
 - + Nắm được nguyên lý thực hiện; sử dụng thành thạo các thiết bị thực hành được sử dụng phổ biến trong thi công xây dựng;
 - + Tính toán thiết kế các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Sử dụng hiệu quả các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho quá trình tính toán thiết kế công trình;

+ Tổ chức, quản lý, điều hành việc thi công công trình theo đúng yêu cầu thiết kế và đúng qui trình kỹ thuật qui định;

- Phát hiện, phân tích được nguyên nhân, phối hợp giải quyết được những tình huống kỹ thuật phát sinh trong quá trình thi công xây dựng;

+ Lập được dự toán công trình và có khả năng vận dụng được các phần mềm hỗ trợ trong lập dự toán công trình.

- *Kỹ năng mềm:*

+ Thể hiện khả năng thuyết trình thành thạo, giao tiếp hiệu quả, ứng xử nhanh nhẹn;

+ Biết làm việc theo nhóm, tập hợp nhóm;

+ Thể hiện sáng tạo trong giải quyết công việc.

* *Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:*

- Kỹ sư thi công công trình, kỹ sư tư vấn thiết kế, kỹ sư giám sát công trình tại các công ty tư vấn thiết kế, thi công xây dựng;

- Chuyên viên các phòng ban kỹ thuật của các cơ quan quản lý về xây dựng;

- Kỹ thuật viên trong phòng thí nghiệm kiểm định liên quan đến lĩnh vực xây dựng, nhân viên trong viện nghiên cứu;

- Phối hợp mở các công ty xây dựng.

* *Về khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:*

- Có khả năng nghiên cứu đề tài khoa học và tham khảo tài liệu để tự bổ sung và cập nhật kiến thức chuyên môn;

- Có thể tiếp tục theo học chương trình cao học Xây dựng tại các trường đại học trong và ngoài nước.

1.2.3. Phẩm chất chính trị đạo đức, thái độ nghề nghiệp

- Nhận thức đúng đắn về lý tưởng chủ nghĩa xã hội;

- Thể hiện phẩm chất đạo đức tốt, ý thức kỷ luật tốt, trách nhiệm công dân cao, thực sự yêu nghề, gắn bó với nghề;

- Có ý thức rèn luyện thể chất, bảo vệ tổ quốc;

- Thể hiện trách nhiệm cao trước mọi công việc, đạo đức, tác phong nghề nghiệp cao, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc, có ý thức phục vụ cộng đồng.

2. Thời gian đào tạo theo thiết kế: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **167**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **129**

(Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh có bằng tốt nghiệp THPT hay tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo và công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành.

6. Thang điểm

Thang điểm thực hiện theo Quy chế đào tạo, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình

| MHP | Tên học phần | Số tiết (giờ) | | | | | Số TC | | HPTQ (MHP) |
|--|---------------------------------|---------------|-----|-----|----|----|-----------------|-----------|------------|
| | | LT | TH1 | TH2 | TT | ĐA | TS | TLTT | |
| 7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương | | | | | | | | | |
| 7.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh | | | | | | | 10 | 10 | |
| 00012 | Những NLCB của CNMLN 1 | 22 | 8 | | | | 2 | 2 | |
| 00113 | Những NLCB của CNMLN 2 | 32 | 13 | | | | 3 | 3 | 00012 |
| 03212 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 20 | 10 | | | | 2 | 2 | 00113 |
| 03013 | Đường lối CM của Đảng CSVN | 29 | 16 | | | | 3 | 3 | 03212 |
| 7.1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật | | | | | | | 12 | 4 | |
| 71012 | Pháp luật đại cương | 30 | | | | | 2 | 2 | |
| Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC) | | | | | | | | | |
| 00202 | Logic học | 30 | | | | | 2 | 2 | |
| 71022 | Kỹ thuật xây dựng văn bản | 30 | | | | | 2 | | |
| 05112 | Tiếng Việt thực hành B | 30 | | | | | 2 | | |
| 15302 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 15 | 15 | | | | 2 | | |
| 15362 | Kỹ năng giao tiếp | 20 | 10 | | | | 2 | | |
| 7.1.3. Ngoại ngữ | | | | | | | 14 | 14 | |
| 07043 | Tiếng Anh 1 | 45 | | | | | 3 | 3 | |
| 07053 | Tiếng Anh 2 | 45 | | | | | 3 | 3 | 07043 |
| 07004 | Tiếng Anh 3 | 60 | | | | | 4 | 4 | 07053 |
| 07014 | Tiếng Anh 4 | 60 | | | | | 4 | 4 | 07004 |
| 7.1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường | | | | | | | 23 | 20 | |
| 08073 | Toán cao cấp A1 | 45 | | | | | 3 | 3 | |
| 08083 | Toán cao cấp A2 | 45 | | | | | 3 | 3 | |
| 08143 | Toán cao cấp A3 | 45 | | | | | 3 | 3 | 08073 |
| 08733 | Xác suất - Thống kê A | 45 | | | | | 3 | 3 | |
| 09002 | Vật lý đại cương A | 30 | | | | | 2 | 2 | |
| 09171 | Thực hành vật lý đại cương A | | | 30 | | | 1 | 1 | 09002+ |
| 10002 | Hóa học đại cương | 30 | | | | | 2 | 2 | |
| 10101 | Thực hành hóa học đại cương | | | 30 | | | 1 | 1 | 10002+ |
| Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC) | | | | | | | | | |
| 11902 | Con người và môi trường | 30 | | | | | 2 | 2 | |
| 30003 | Tin học đại cương và văn phòng | 25 | | 40 | | | 3 | | |
| 7.1.5. Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng | | | | | | | | | |
| 7.1.5.1. Giáo dục thể chất | | | | | | | 150 tiết | | |
| 12372 | Thể dục và điền kinh* | | | 60 | | | 60 tiết | | |
| Môn thể thao tự chọn (cơ bản): Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau: | | | | | | | | | |
| 12381 | Bóng đá 1* | | | 30 | | | 30 tiết | | |
| 12391 | Bóng chuyền 1* | | | 30 | | | | | |
| 12401 | Cầu lông 1* | | | 30 | | | | | |
| 12411 | Bóng rổ 1* | | | 30 | | | | | |
| 12421 | Võ Vovinam 1* | | | 30 | | | | | |
| 12491 | Cờ vua 1* | | | 30 | | | | | |

| Môn thể thao tự chọn (nâng cao): Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau: | | | | | | | | | |
|--|---------------------------------|----|--|----|--|----|-----------|-----------|--------|
| 12432 | Bóng đá 2* | | | 60 | | | 60 tiết | | |
| 12442 | Bóng chuyền 2* | | | 60 | | | | | |
| 12482 | Cầu lông 2* | | | 60 | | | | | |
| 12462 | Bóng rổ 2* | | | 60 | | | | | |
| 12472 | Võ Vovinam 2* | | | 60 | | | | | |
| 12502 | Cờ vua 2* | | | 60 | | | | | |
| 7.1.5.2. Giáo dục quốc phòng | | | | | | | | | |
| 12923 | Giáo dục Quốc phòng I B* | 45 | | | | | 120 tiết | | |
| 12932 | Giáo dục Quốc phòng II B* | 30 | | | | | | | |
| 12943 | Giáo dục Quốc phòng III B* | 27 | | 36 | | | | | |
| Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương | | | | | | | 59 | 48 | |
| 7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | | | | | | | | | |
| 7.2.1. Kiến thức cơ sở | | | | | | | 26 | 26 | |
| 46012 | Vẽ kỹ thuật cơ bản | 30 | | | | | 2 | 2 | |
| 46022 | Vẽ kỹ thuật xây dựng | 30 | | | | | 2 | 2 | 46012+ |
| 45102 | Cơ học cơ sở | 30 | | | | | 2 | 2 | 09002+ |
| 46112 | Sức bền vật liệu 1 | 30 | | | | | 2 | 2 | 45102+ |
| 46122 | Sức bền vật liệu 2 | 30 | | | | | 2 | 2 | 46112+ |
| 46132 | Cơ học kết cấu 1 | 30 | | | | | 2 | 2 | 46112+ |
| 46142 | Cơ học kết cấu 2 | 30 | | | | | 2 | 2 | 46132+ |
| 45202 | Địa chất công trình | 30 | | | | | 2 | 2 | |
| 45711 | Thực tập địa chất công trình | | | | | 45 | 1 | 1 | |
| 45302 | Vật liệu xây dựng | 30 | | | | | 2 | 2 | |
| 46701 | Thí nghiệm vật liệu xây dựng | | | 30 | | | 1 | 1 | |
| 45602 | Trắc địa | 30 | | | | | 2 | 2 | |
| 45701 | Thực tập trắc địa | | | 30 | | | 1 | 1 | |
| 45222 | Cơ học đất | 30 | | | | | 2 | 2 | 45202+ |
| 45721 | Thí nghiệm cơ học đất | | | 30 | | | 1 | 1 | |
| 7.2.2. Kiến thức ngành | | | | | | | 44 | 33 | |
| 45022 | Cấu tạo kiến trúc | 30 | | | | | 2 | 2 | 46022+ |
| 45042 | Nguyên lý thiết kế kiến trúc | 30 | | | | | 2 | 2 | 45022+ |
| 45801 | Đồ án kiến trúc | | | | | 60 | 1 | 1 | 45042+ |
| 45342 | Kết cấu bê tông 1 | 30 | | | | | 2 | 2 | 46112+ |
| 45821 | Đồ án kết cấu bê tông 1 | | | | | 60 | 1 | 1 | 45342+ |
| 46362 | Kết cấu thép 1 | 30 | | | | | 2 | 2 | 46112+ |
| 46372 | Kết cấu thép 2 | 30 | | | | | 2 | 2 | 46362+ |
| 45841 | Đồ án kết cấu thép | | | | | 60 | 1 | 1 | |
| 45232 | Nền và móng | 30 | | | | | 2 | 2 | 45222+ |
| 45811 | Đồ án nền và móng | | | | | 60 | 1 | 1 | 45232+ |
| 45403 | Kỹ thuật thi công | 45 | | | | | 3 | 3 | |
| 45442 | Tổ chức thi công | 30 | | | | | 2 | 2 | |
| 46402 | Máy xây dựng - An toàn lao động | 30 | | | | | 2 | 2 | |
| 45861 | Đồ án thi công | | | | | 60 | 1 | 1 | 45403+ |
| 45352 | Kết cấu bê tông 2 | 30 | | | | | 2 | 2 | 45342+ |
| 45831 | Đồ án kết cấu bê tông 2 | | | | | 60 | 1 | 1 | |
| 45492 | Thí nghiệm công trình | 30 | | | | | 2 | 2 | |
| Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 4 TC) | | | | | | | | | |
| 45502 | Kinh tế xây dựng | 30 | | | | | 2 | 4 | |
| 45682 | Luật xây dựng | 30 | | | | | 2 | | |

- *Phương pháp giảng dạy*: Phương pháp dạy học cần hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập trong hoạt động và bằng hoạt động tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo. Cụ thể:

+ Sử dụng các hình thức Xêmina, bài tập nghiên cứu, hoạt động nhóm trong học tập.

+ Thông qua dạy học các học phần, chú ý đến việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ thuật tự học, kỹ thuật giao tiếp và hợp tác./.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Ngô Tấn Lực